

Tp. Hồ chí Minh, ngày 6 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO TUẦN 23**  
(từ ngày 30/5/2026 đến 5/6/2026)

**I. TÌNH HÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU NĂM 2026**

Diện tích phục vụ vụ Hè Thu năm 2026 đến ngày 05/6/2026 là: **16.573,0 ha**, cụ thể:

- 1. Khu vực Củ Chi : 6.388,8 ha**
  - Hệ thống CTTL Kênh Đông Củ Chi : 5.369,2 ha;
  - Hệ thống CTTL An Phú – Phú Mỹ Hưng : 91,0 ha;
  - Đê bao VSSG đoạn từ rạch Thai Thai đến cầu BS : 31,5 ha;
  - Đê bao VSSG từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen : 29,4 ha;
  - Hệ thống thủy lợi VSSG từ rạch LT đến sông Lu : 268,2 ha;
  - Hệ thống thủy lợi xã Tân Thạnh Đông : 599,5 ha.
- 2. Khu vực XNHM-BC quản lý : 3.006,6 ha.**
  - CTTL Hóc Môn – Bắc Bình Chánh : 2.507,8 ha.
  - Công trình Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Sa : 498,8 ha.
- 3. Khu vực Nam rạch Tra : 4.717,3 ha.**
  - CTTL Bắc rạch Tra : 1.547,5 ha;
  - CTTL Nam rạch Tra : 2.503,6 ha;
  - Công ngăn triều rạch Ông Đụng : 416,4 ha;
  - Hệ thống thủy lợi Cây Xanh – Bà Bép : 249,8 ha.
- 4. Khu vực Thủ Đức : 2.460,3 ha**
  - CTTL Suối Nhum : 541,0 ha;
  - CTTL 05 công ngăn triều : 1.919,3 ha;

**II. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC:**

**1. Lượng nước sử dụng:**

a. Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CĐT N25 từ ngày 30/5/2026 đến ngày 05/6/2026: 8.762.292 m<sup>3</sup>, cụ thể:

Ngày	K34					N25	
	MNTL	MNHL	A	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )
30/5/2026	13,74	13,39	0,90	11,07	956.859	3,58	309.425
31/5/2026	13,74	13,4	0,85	10,28	888.254	3,83	330.789
01/6/2026	13,73	13,39	0,90	10,92	943.091	3,53	305.199
02/6/2026	13,77	13,42	0,90	11,07	956.859	3,63	314.047
03/6/2026	13,84	13,38	0,90	12,70	1.096.965	4,11	354.995
04/6/2026	13,64	13,25	0,80	10,33	892.905	3,12	269.800
05/6/2026	13,64	13,28	0,80	9,93	857.875	3,30	285.229
<b>Tổng cộng</b>					<b>6.592.808</b>		<b>2.169.484</b>

**b.** Lượng nước từ ngày 01/12/2025 đến 5/6/2026 là **210,55** triệu m<sup>3</sup> (trong đó K34+644: 162,32 triệu m<sup>3</sup>, K0-N25: 48,23 triệu m<sup>3</sup>).

**c.** Tình hình điều tiết nước: Tổ chức điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

**2.Chất lượng nguồn nước kênh Đông:** Độ đục dao động từ (10,2÷14,4) NTU và pH dao động từ (7,10÷7,19).

**3.Mức nước Hồ Dầu Tiếng:** Dao động từ (19,73÷19,79)m.

Ngày/tháng	Mức nước năm 2026(m)	Mức nước năm 2025 (m)
30/5/2026	19,73	20,37
31/5/2026	19,75	20,37
01/6/2026	19,79	20,35
02/6/2026	19,79	20,36
03/6/2026	19,79	20,36
04/6/2026	19,79	20,30
05/6/2026	19,78	20,21

**4. Lượng mưa đo được tại các trạm:**

STT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Mưa lũy tiến trong năm 2026 (mm)
1	Xí nghiệp Củ Chi	147	293
2	N25-2	176	311
3	N31A (K0)	165	337
4	Trung An	191	316
5	K9-N46	103	320
6	An Phú	58	312
7	Thai Thai - Bến Súc	60	240
8	Xí nghiệp HM-BC	61	282
9	Cụm T10	69	360
10	Cụmkênh C	95	324
11	Gò Dưa	49	212
12	Ông Dựng	43	261
13	Ba Thôn	47	273

### 5. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:

– Mực nước Max trong tuần:

- + Cống Gò Dưa : + 1,12 m
- + Cống Ba Thôn : + 1,08 m
- + RT12 (bắc Rạch Tra): + 0,93 m
- + Cống kênh C : + 1,10 m
- + Cống An Hạ : + 0,86 m

– Chất lượng nước:

STT	Vị trí	Độ pH		Độ mặn (2026) Ngày 05/06/2026	
		PS	PD	PS	PD
1	Cống Tân Kiên	6,89	6,92	1,9	0,8
2	Cống kênh C	6,82	6,68	1,6	0,7
3	Cống kênh B	6,61	6,5	1,2	0,6
4	Cống kênh A	6,48	6,54	0,9	0,4
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,52		0,7	
6	Cống cuối kênh Ranh	6,39		0,2	
7	Cống An Hạ	6,62	6,53	0,2	
8	Cống T10	6,43		0,2	

### III. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:

– Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường;

– Công trình 5 cống ngăn triều quận Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;

– Công trình Nam rạch Tra (cống Ba Thôn, Đá Hàn): Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.